ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 03 /2017/QĐ-UBND	*Hưng Yên, ngày 03 tháng 4 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Hưng Yên

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
CÔNG VĂN ĐẾN
Số: ...1998....
Ngày 04/4/2017

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Khoa học và công nghệ ngày 18/6/2013;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số Điều của Luật Khoa học và công nghệ;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Khoa học và Công nghệ: Số 07/2014/TT-BKHCN ngày 26/5/2014 về việc Quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước; số 09/2014/TT-BKHCN ngày 27/5/2014 về việc Quy định quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia; số 11/2014/TT-BKHCN ngày 30/5/2014 về việc Quy định việc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước; số 14/2014/TT-BKHCN ngày 11/6/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc Quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ; số 15/2014/TT-BKHCN ngày 13/6/2014 về việc Quy định trình tự, thủ tục giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước; số 02/2015/TT-BKHCN ngày 06/3/2015 về việc Quy định việc đánh giá và thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước; số 04/2015/TT-BKHCN ngày 11/3/2015 về việc Quy định việc kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh và chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 11/TTr-SKHCN ngày 23/3/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2017.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Phóng

Nơi nhận:
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Khoa học và Công nghệ (Vụ Pháp chế);
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Các trường Đại học, Cao đẳng trong tỉnh;
- Các tổ chức KHCN, doanh nghiệp KHCN;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh; Website tỉnh;
- Lưu: VT, NN.

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HƯNG YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
Quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Hưng Yên

(Ban hành kèm theo Quyết định số 03 /2017/QĐ-UBND ngày 03 / 4 /2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định việc quản lý các đề án khoa học, đề tài khoa học và công nghệ, dự án sản xuất thử nghiệm, dự án khoa học và công nghệ, chương trình khoa học và công nghệ (viết tắt nhiệm vụ khoa học và công nghệ) cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước;

2. Quy định này áp dụng đối với các cơ quan nhà nước liên quan; các tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh là những vấn đề khoa học và công nghệ được nghiên cứu, giải quyết phục vụ các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ an ninh quốc phòng của tỉnh; các nhiệm vụ khoa học và công nghệ nêu trong Quy định này được tổ chức thực hiện dưới các hình thức: Đề tài khoa học và công nghệ, Đề án khoa học, Dự án sản xuất thử nghiệm, Chương trình khoa học và công nghệ.

2. Đề tài khoa học và công nghệ là nhiệm vụ khoa học và công nghệ có nội dung chủ yếu là hoạt động khám phá, phát hiện, tìm hiểu bản chất, quy luật của sự vật, hiện tượng tự nhiên, xã hội và tư duy, sáng tạo, giải pháp nhằm ứng dụng vào thực tiễn, bao gồm đề tài nghiên cứu cơ bản, đề tài nghiên cứu ứng dụng, đề tài triển khai thực nghiệm hoặc kết hợp nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng và triển khai thực nghiệm.

3. Đề án khoa học là nhiệm vụ khoa học và công nghệ nhằm mục tiêu xác định cơ sở lý luận và thực tiễn phục vụ việc xây dựng cơ chế, chính sách, pháp luật.

4. Dự án sản xuất thử nghiệm là nhiệm vụ khoa học và công nghệ nhằm ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và triển khai thực nghiệm để thử nghiệm các giải pháp, phương pháp, mô hình quản lý kinh tế - xã hội hoặc sản xuất thử ở quy mô nhỏ nhằm hoàn thiện công nghệ mới, sản phẩm mới trước khi đưa vào sản xuất và đời sống.

5. Dự án khoa học và công nghệ là nhiệm vụ khoa học và công nghệ giải quyết các vấn đề khoa học và công nghệ chủ yếu phục vụ việc sản xuất một sản phẩm hoặc nhóm sản phẩm trọng điểm, chủ lực có tác động nâng cao trình độ công nghệ của

một ngành, một lĩnh vực và có ảnh hưởng lớn đến sự phát triển kinh tế - xã hội được triển khai dưới hình thức đề tài khoa học và công nghệ, dự án sản xuất thử nghiệm và dự án đầu tư khoa học và công nghệ có mục tiêu, nội dung gắn kết hữu cơ, đồng bộ và được tiến hành trong một thời gian nhất định.

6. Chương trình khoa học và công nghệ là nhiệm vụ khoa học và công nghệ có mục tiêu chung giải quyết các vấn đề khoa học và công nghệ phục vụ phát triển và ứng dụng khoa học và công nghệ trung hạn hoặc dài hạn được triển khai dưới hình thức tập hợp các đề tài khoa học và công nghệ, dự án sản xuất thử nghiệm.

7. Tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ là các tổ chức và cá nhân thực hiện các nhiệm vụ về hoạt động khoa học và công nghệ hoặc tổ chức, cá nhân khác được giao chủ trì, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

8. Đơn vị quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của tỉnh là Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Hưng Yên.

Điều 3. Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh

1. Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh gồm kinh phí thực hiện nội dung và kinh phí quản lý nhiệm vụ.

2. Kinh phí thực hiện nội dung của nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh gồm: Từ nguồn ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ, các nguồn hợp pháp khác hàng năm. Nguồn kinh phí này được cân đối giao Sở Khoa học và Công nghệ để triển khai tổ chức thực hiện các nhiệm vụ khoa học công nghệ đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Khuyến khích tổ chức và cá nhân tham gia nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh huy động các nguồn kinh phí ngoài ngân sách nhà nước để thực hiện.

3. Kinh phí chi cho công tác quản lý các nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp tỉnh được lấy từ ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ hàng năm.

4. Việc xây dựng dự toán, quản lý, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ cấp tỉnh được thực hiện theo quy định về quản lý tài chính khoa học và công nghệ hiện hành.

Điều 4. Quản lý kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ cấp tỉnh

Việc dự toán, cấp phát, quản lý, quyết toán kinh phí và xử lý kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước thực hiện theo Quyết định số 24/2016/QĐ-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2016 và Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT - BKHCN - BTC ngày 30 tháng 12 năm 2015 giữa Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Tài chính đã ban hành.

Chương II
TỔ CHỨC THỰC HIỆN, QUẢN LÝ NHIỆM VỤ, CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG ĐỐI VỚI NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH

Điều 5. Ký kết hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ ký hợp đồng với tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Trong

vòng 45 ngày làm việc kể từ ngày Uỷ ban nhân dân tỉnh ký Quyết định phê duyệt Kế hoạch khoa học và công nghệ, Sở Khoa học và Công nghệ phải tiến hành ký hợp đồng với tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ.

2. Mẫu hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh thực hiện theo Thông tư số 05/2014/TT-BKHCN ngày 10/4/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành mẫu hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

Điều 6. Chế độ báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất

1. Căn cứ nội dung hợp đồng, tiến độ thực hiện hoặc theo yêu cầu đột xuất của cơ quan quản lý có thẩm quyền, tổ chức chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ xây dựng báo cáo định kỳ, báo cáo tiến độ hoặc báo cáo theo yêu cầu đề xuất gửi về Sở Khoa học và Công nghệ. Trường hợp tổ chức chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ không thực hiện chế độ báo cáo đúng quy định từ 02 lần trở lên thì sẽ bị dừng cấp kinh phí thực hiện và xử lý theo quy định.

2. Giao Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan, thành lập đoàn kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất về tiến độ, nội dung, kết quả, chất lượng thực hiện và tình hình sử dụng kinh phí theo hợp đồng đã ký.

Điều 7. Điều chỉnh nhiệm vụ

1. Điều chỉnh thời gian thực hiện nhiệm vụ

a) Việc gia hạn thời gian thực hiện nhiệm vụ chỉ được thực hiện 01 lần đối với mỗi nhiệm vụ; không quá 3 tháng đối với nhiệm vụ có thời gian thực hiện 12 tháng, không quá 4 tháng đối với nhiệm vụ có thời gian thực hiện 18 tháng, không quá 6 tháng đối với nhiệm vụ có thời gian thực hiện 24 tháng; không quá 9 tháng đối với nhiệm vụ có thời gian thực hiện trên 24 tháng.

b) Việc gia hạn thời gian thực hiện nhiệm vụ chỉ được xem xét trước khi kết thúc hợp đồng ít nhất 03 tháng.

c) Việc rút ngắn thời gian thực hiện chỉ được xem xét khi đã hoàn thành được ít nhất 2/3 nội dung của nhiệm vụ.

2. Điều chỉnh tên, mục tiêu, nội dung, sản phẩm của nhiệm vụ

a) Tổ chức chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ có văn bản báo cáo Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ về các nội dung điều chỉnh.

b) Việc điều chỉnh tên, mục tiêu, nội dung, sản phẩm của nhiệm vụ chỉ được thực hiện khi có ý kiến đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ.

c) Việc xem xét, đồng ý điều chỉnh được thực hiện thông qua tổ tư vấn do Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ thành lập hoặc ý kiến tham mưu của phòng chuyên môn quản lý khi có yêu cầu của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ.

3. Điều chỉnh kinh phí thực hiện nhiệm vụ

a) Tổ chức chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ có quyền đề nghị điều chỉnh kinh phí thực hiện nhiệm vụ.

b) Việc điều chỉnh kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được quy định như sau:

- Điều chỉnh từ 500 triệu đồng trở lên, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ

báo cáo Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh - Chủ tịch Hội đồng Khoa học và Công nghệ tỉnh xem xét, quyết định;

- Điều chỉnh dưới 500 triệu đồng, giao Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định phê duyệt.

4. Điều chỉnh chủ nhiệm nhiệm vụ và các thành viên ban chủ nhiệm

a) Việc thay đổi Chủ nhiệm nhiệm vụ chỉ được thực hiện trong các trường hợp sau:

- Chủ nhiệm nhiệm vụ đi học tập, công tác dài hạn trên 06 tháng liên tục;

- Chủ nhiệm nhiệm vụ bị ốm đau, bệnh tật không có khả năng điều hành hoạt động nghiên cứu của nhiệm vụ (có văn bản đề nghị của cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ hoặc xác nhận của cơ quan y tế);

- Chủ nhiệm nhiệm vụ tử vong; mất tích trên 06 tháng;

- Chủ nhiệm có văn bản đề nghị thay đổi vì lý do cá nhân không thể tiếp tục thực hiện công việc được giao;

- Chủ nhiệm không hoàn thành tiến độ và nội dung nhiệm vụ theo hợp đồng mà không có lý do chính đáng, vi phạm nguyên tắc quản lý tài chính theo kết luận của đoàn kiểm tra, thanh tra hoặc phải đình chỉ công tác.

b) Chủ nhiệm nhiệm vụ mới phải đáp ứng các yêu cầu, hoặc vận dụng các yêu cầu tại Thông tư số 10/2014/TT-BKHCN ngày 30 tháng 5 năm 2014 về việc Quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.

c) Việc điều chỉnh các thành viên ban chủ nhiệm đề tài được thực hiện thông qua sự thỏa thuận giữa tổ chức chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ và cá nhân thành viên. Tổ chức chủ trì, chủ nhiệm có trách nhiệm báo cáo Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ về nội dung điều chỉnh này.

5. Điều chỉnh tổ chức chủ trì, đơn vị phối hợp, đơn vị chuyển giao công nghệ

a) Chỉ thực hiện điều chỉnh này trong trường hợp có quyết định của cơ quan có thẩm quyền về việc sát nhập, chia tách, giải thể tổ chức chủ trì nhiệm vụ, đơn vị phối hợp, đơn vị chuyển giao công nghệ hoặc chủ nhiệm nhiệm vụ chuyển công tác sang đơn vị khác.

b) Việc điều chỉnh tổ chức chủ trì, đơn vị phối hợp, đơn vị chuyển giao được thực hiện thông qua hình thức văn bản, phải lý giải được lý do điều chỉnh và văn bản đồng ý của các đơn vị liên quan.

c) Việc xem xét, đồng ý điều chỉnh được thực hiện thông qua tổ tư vấn do Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ thành lập hoặc ý kiến tham mưu của phòng chuyên môn quản lý nhiệm vụ khi được yêu cầu và thực hiện thông qua hình thức văn bản. Trường hợp cần thiết, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ có văn bản báo cáo, xin ý kiến chỉ đạo Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh - Chủ tịch Hội đồng Khoa học và Công nghệ tỉnh xem xét, quyết định.

d) Tổ chức chủ trì nhiệm vụ mới phải đáp ứng các yêu cầu tại Thông tư số 10/2014/TT-BKHCN ngày 30 tháng 5 năm 2014 về việc Quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp

quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.

Các nội dung điều chỉnh khác ngoài khoản 1, 2, 3, 4, 5, Điều này được thực hiện bằng hình thức văn bản và theo các quy định hiện hành.

Điều 8. Thẩm quyền điều chỉnh nhiệm vụ

1. Tổ chức chủ trì nhiệm vụ có thẩm quyền điều chỉnh các nội dung thuộc khoản 4, Điều 7 Quy định này.

2. Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ có thẩm quyền điều chỉnh các nội dung thuộc khoản 1, 2, 3, 5, Điều 7 Quy định này.

Điều 9. Trình tự, thủ tục điều chỉnh

Trình tự, thủ tục điều chỉnh thực hiện theo quy định tại Điều 20, Chương III, Thông tư số 04/2015/TT-BKHCN ngày 11 tháng 3 năm 2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc Quy định kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh và chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.

Điều 10. Trình tự, thủ tục, thẩm quyền chấm dứt hợp đồng

Trình tự, thủ tục, thẩm quyền chấm dứt hợp đồng thực hiện theo quy định tại Điều 21, Điều 22, Chương IV, Thông tư số 04/2015/TT-BKHCN ngày 11 tháng 3 năm 2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc Quy định kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh và chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.

Chương III
KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH

Điều 11. Nội dung kiểm tra, đánh giá

1. Nội dung khoa học.

2. Tiến độ thời gian thực hiện các nội dung của thuyết minh và hợp đồng.

3. Tình hình sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước.

4. Các nội dung khác (nếu có).

Điều 12. Nguyên tắc kiểm tra, đánh giá

1. Thành lập đoàn kiểm tra, đánh giá hoặc phòng chuyên môn quản lý chủ động kiểm tra, đánh giá.

2. Kiểm tra, đánh giá trên cơ sở hợp đồng nghiên cứu khoa học và công nghệ đã ký kết, thuyết minh nhiệm vụ đã phê duyệt; đảm bảo đúng quy trình, dân chủ, khách quan, công bằng, trung thực và chính xác.

3. Tôn trọng và hạn chế ảnh hưởng tới hoạt động của tổ chức.

4. Chỉ thực hiện kiểm tra khi có kế hoạch hoặc yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước, người có thẩm quyền.

5. Đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, đơn vị liên quan, tránh trùng lặp và chồng chéo.

Điều 13. Thành phần tham gia đoàn kiểm tra, đánh giá gồm

1. Lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ và lãnh đạo một số sở, ngành liên quan.

2. Phòng chuyên môn quản lý, phòng Kế hoạch - Tài chính của Sở Khoa học và Công nghệ.

3. Thành phần khác có liên quan theo yêu cầu của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ hoặc theo yêu cầu đặc thù của từng nhiệm vụ.

Điều 14. Thời gian kiểm tra, đánh giá

1. Định kỳ 01 năm 01 lần kể từ thời điểm hợp đồng có hiệu lực.

2. Theo yêu cầu thực tiễn triển khai nội dung hợp đồng.

3. Đột xuất theo yêu cầu của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ.

Điều 15. Chuẩn bị nội dung kiểm tra, đánh giá

1. Đối với tổ chức chủ trì nhiệm vụ chuẩn bị báo cáo và các tài liệu liên quan phục vụ kiểm tra, đánh giá.

a) Báo cáo nội dung, tiến độ thực hiện, tình hình sử dụng kinh phí từ ngân sách Nhà nước theo mẫu quy định.

b) Các tài liệu khác có liên quan đến nhiệm vụ.

2. Đối với đoàn kiểm tra, đánh giá:

a) Tiếp nhận, nghiên cứu báo cáo và các tài liệu liên quan đến nhiệm vụ.

b) Chuẩn bị các ý kiến nhận xét, đánh giá về các nội dung được phân công.

Điều 16. Trình tự kiểm tra, đánh giá

Trình tự kiểm tra, đánh giá thực hiện theo quy định tại Điều 10, Chương II, Thông tư số 04/2015/TT-BKHCN ngày 11 tháng 3 năm 2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc Quy định kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh và chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.

Điều 17. Xử lý sau khi kết thúc kiểm tra, đánh giá

Việc xử lý sau khi kết thúc kiểm tra, đánh giá thực hiện theo quy định tại Điều 11, Chương II, Thông tư số 04/2015/TT-BKHCN ngày 11 tháng 3 năm 2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định về việc kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh và chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.

Chương IV
ĐÁNH GIÁ NGHIỆM THU VÀ CÔNG NHẬN KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH

Điều 18. Nguyên tắc đánh giá nghiệm thu

1. Căn cứ Hợp đồng nghiên cứu khoa học và công nghệ đã ký.

2. Căn cứ hồ sơ đánh giá, nghiệm thu.

3. Đảm bảo tính dân chủ, khách quan, công bằng, trung thực và chính xác.

Điều 19. Kinh phí đánh giá nghiệm thu

1. Kinh phí đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ cấp tỉnh là kinh phí thực hiện nhiệm vụ lấy từ ngân sách nhà nước đã giao cho tổ chức thực hiện nhiệm vụ.

2. Chi phí phát sinh để hoàn thiện các sản phẩm và tài liệu của nhiệm vụ theo yêu cầu của hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ do tổ chức thực hiện và chủ nhiệm nhiệm vụ tự trang trải.

Điều 20. Tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ cấp tỉnh

Việc tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh thực hiện theo quy định tại Điều 5, Chương II, Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc Quy định đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.

Điều 21. Hồ sơ đánh giá nghiệm thu

Thành phần hồ sơ đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh thực hiện theo quy định tại Điều 6, Chương II, Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc Quy định đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.

Điều 22. Nộp hồ sơ đánh giá nghiệm thu

Thời gian nộp hồ sơ, hình thức nộp và thời gian thụ lý hồ sơ thực hiện theo quy định tại Điều 7, Chương II, Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc Quy định đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.

Điều 23. Thành lập hội đồng và tổ chuyên gia tư vấn, đánh giá nghiệm thu kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ

Thẩm quyền thành lập, thành phần hội đồng, tổ chuyên gia tư vấn, những trường hợp không được tham gia hội đồng, tổ chuyên gia tư vấn do Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định trên cơ sở quy định tại Điều 9, Chương II, Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc Quy định đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.

Điều 24. Phiên họp hội đồng đánh giá nghiệm thu

Tài liệu đánh giá, nghiệm thu, phiên họp hội đồng, thành phần tham dự hội đồng, chương trình và trình tự làm việc của hội đồng được thực hiện theo quy định tại Điều 10, Chương II, Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc Quy định đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.

Điều 25. Yêu cầu đánh giá, nội dung đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ

Việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ thông qua phiếu đánh giá có dấu treo của Sở Khoa học và Công nghệ. Quy định hình thức phiếu đánh giá, nội dung đánh giá đối với báo cáo tổng hợp, đối với các sản phẩm của nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh được thực hiện theo quy định tại Điều 11, Điều 12, Chương II, Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc Quy định đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.

Điều 26. Phương pháp đánh giá và xếp loại kết quả

Phương pháp đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh được thực hiện theo quy định tại Điều 13, Chương II, Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc Quy định đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.

Điều 27. Xử lý kết quả đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước

1. Đối với nhiệm vụ được hội đồng đánh giá ở mức "Đạt" trở lên, trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ khi có kết quả đánh giá, chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ theo ý kiến kết luận của hội đồng và phải có báo cáo giải trình chỉnh sửa, hoàn thiện.

2. Đối với nhiệm vụ được hội đồng đánh giá ở mức "không đạt", việc xử lý kết quả thực hiện theo Điều 16, Điều 17, Chương II, Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT - BKHCN - BTC ngày 30 tháng 12 năm 2015 giữa Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Tài chính và các văn bản hiện hành.

Điều 28. Đăng ký và lưu giữ kết quả thực hiện nhiệm vụ cấp quốc gia

Tổ chức chủ trì thực hiện việc đăng ký và lưu giữ kết quả nhiệm vụ theo quy định tại Nghị định số 11/2014/NĐ-CP ngày 18 tháng 02 năm 2014 của Chính phủ về việc Quy định về hoạt động thông tin khoa học và công nghệ và nộp Bản sao giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ về Sở Khoa học và Công nghệ.

Điều 29. Công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ cấp tỉnh

Thành phần hồ sơ, thời gian thụ lý hồ sơ công nhận kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh được thực hiện theo quy định tại Điều 17, Chương II, Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc Quy định đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.

Điều 30. Giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu

Trình tự, thủ tục giao quyền sở hữu, sử dụng kết quả nghiên cứu được thực hiện theo Thông tư số 15/2014/TT-BKHCN ngày 13 tháng 6 năm 2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc Quy định trình tự, thủ tục giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.

Điều 31. Thẩm định, đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ không sử dụng ngân sách nhà nước

Trình tự, thủ tục đánh giá, nghiệm thu các nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước được thực hiện theo Thông tư số 02/2015/TT-BKHCN ngày 06 tháng 3 năm 2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc Quy định việc đánh giá và thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước.

Chương V
TRÁCH NHIỆM, QUYỀN HẠN CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

Điều 32. Trách nhiệm, quyền hạn của Sở Khoa học và Công nghệ

1. Ký hợp đồng với tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp tỉnh.

2. Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định bố trí kế hoạch ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ hàng năm.

3. Chủ trì tổ chức thực hiện, kiểm tra đánh giá; điều chỉnh hợp đồng thực hiện theo quy định (nếu có).

4. Tổ chức đánh giá nghiệm thu, công nhận, lưu giữ, tổ chức giao quyền sở hữu, sử dụng kết quả nghiên cứu.

5. Tổ chức cấp, quyết toán kinh phí, thanh lý hợp đồng thực hiện nhiệm vụ cấp tỉnh.

6. Thành lập các Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ: Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ, Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Điều 33. Trách nhiệm, quyền hạn của tổ chức chủ trì

1. Chịu trách nhiệm về nội dung thuyết minh và dự toán kinh phí của nhiệm vụ nhằm đáp ứng được mục tiêu, tạo ra được sản phẩm theo quyết định phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh và hợp đồng đã ký giữa hai đơn vị.

2. Lựa chọn cá nhân thuộc tổ chức chủ trì có đủ trình độ chuyên môn và năng lực tổ chức thực hiện để làm chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Trường hợp thay đổi chủ nhiệm thì cá nhân được lựa chọn phải đáp ứng các tiêu chí theo quy định tại quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước hiện hành. Trong vòng 05 ngày sau khi thay đổi chủ nhiệm, phải có văn bản kèm theo lý lịch khoa học của chủ nhiệm báo cáo Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, đồng thời ký phụ lục hợp đồng để xác định trách nhiệm của chủ nhiệm.

3. Ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ với Sở Khoa học và Công nghệ; ký hợp đồng giao việc, hợp đồng thuê khoán chuyên môn với chủ nhiệm nhiệm vụ và các tổ chức cá nhân tham gia thực hiện các nội dung của nhiệm vụ; hợp đồng giao việc, hợp đồng thuê khoán chuyên môn phải đảm bảo về nội dung, chất

lượng sản phẩm và tiến độ thực hiện các nội dung của nhiệm vụ.

4. Thực hiện đầy đủ các cam kết trong hợp đồng về trách nhiệm tổ chức chủ trì với chủ nhiệm nhiệm vụ và các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện nhiệm vụ.

5. Đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất (trang thiết bị, nhà xưởng, phương tiện), nhân lực, huy động đủ các nguồn tài chính hợp pháp ngoài ngân sách nhà nước (nếu có) và các điều kiện khác để đảm bảo thực hiện nhiệm vụ theo hợp đồng đã ký.

6. Sử dụng có hiệu quả kinh phí được cấp để thực hiện nhiệm vụ theo hợp đồng đã ký với Sở Khoa học và Công nghệ; cấp đủ và đúng tiến độ kinh phí từ các nguồn kinh phí trong hợp đồng cho chủ nhiệm nhiệm vụ và các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện các nội dung của nhiệm vụ; thực hiện thủ tục thanh quyết toán kinh phí theo quy định hiện hành.

7. Thực hiện chế độ báo cáo với Sở Khoa học và Công nghệ theo quy định. Tạo điều kiện thuận lợi và cung cấp đầy đủ thông tin cho các cơ quan quản lý, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện nhiệm vụ. Kiến nghị, điều chỉnh khi cần để thực hiện được mục tiêu, nội dung, sản phẩm của nhiệm vụ.

8. Tổ chức đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ từ kết quả của nhiệm vụ cho các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.

9. Thực hiện việc công bố, giao nộp kết quả thực hiện nhiệm vụ cấp tỉnh theo quy định hiện hành.

10. Tổ chức quản lý, khai thác, chuyển giao kết quả của nhiệm vụ, được hưởng quyền lợi và chịu trách nhiệm phân phối lợi ích thu được theo quy định của pháp luật.

Điều 34. Trách nhiệm, quyền hạn của chủ nhiệm nhiệm vụ

1. Xây dựng và hoàn thiện thuyết minh của nhiệm vụ đáp ứng được mục tiêu, tạo ra được sản phẩm theo quyết định phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền.

2. Tổ chức thực hiện nhiệm vụ và chịu trách nhiệm về nội dung, chất lượng, thời gian, tính trung thực, giá trị khoa học, kết quả và hiệu quả thực hiện nhiệm vụ; chịu trách nhiệm đề xuất với tổ chức chủ trì về phương án ứng dụng kết quả hoặc thương mại hoá sản phẩm từ kết quả của nhiệm vụ.

3. Được bảo đảm các điều kiện để thực hiện nhiệm vụ theo cam kết trong hợp đồng với tổ chức chủ trì, Sở Khoa học và Công nghệ đề xuất, kiến nghị điều chỉnh khi cần thiết.

4. Phối hợp với tổ chức chủ trì đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật.

5. Kiểm tra, đôn đốc các tổ chức, cá nhân tham gia phối hợp trong việc thực hiện nhiệm vụ theo hợp đồng đã ký với Sở Khoa học và Công nghệ. Thực hiện báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất về tiến độ triển khai, tình hình sử dụng kinh phí. Chủ trì xây dựng báo cáo tổng kết kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ và các tài liệu khác theo hợp đồng đã ký với Sở Khoa học và Công nghệ.

Chương VI
TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 35. Tổ chức thực hiện

Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thành phố, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quy định này.

Điều 36. Hiệu lực, bổ sung, hoàn thiện quy định

Trong quá trình thực hiện nếu có phát sinh vướng mắc, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm báo cáo, đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp theo quy định của pháp luật hiện hành./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Phóng

